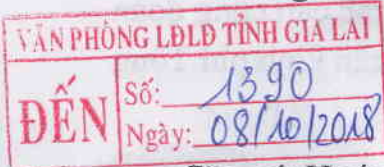


Số: **1390** /TLĐ

Hà Nội, ngày **03** tháng **10** năm **2018**

V/v hướng dẫn hạch toán kế toán  
thu kinh phí công đoàn khu vực SXKD  
qua tài khoản Công đoàn Việt Nam

**Kính gửi:** - Các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố;  
- Các Công đoàn ngành Trung ương và tương đương;  
- Các Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.



Căn cứ Hướng dẫn 1435/HD-TLĐ ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp trong các đơn vị kế toán công đoàn;

Căn cứ Quyết định 1908/QĐ-TLĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn, thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu, nộp tài chính công đoàn;

Căn cứ Hướng dẫn 1305/HD-TLĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản của Công đoàn Việt Nam và một số văn bản có liên quan,

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn hạch toán kế toán thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản của Công đoàn Việt Nam tại các cấp công đoàn như sau:

#### **I – Nguyên tắc hạch toán**

1. Hướng dẫn này chỉ điều chỉnh việc hạch toán nghiệp vụ thu kinh phí công đoàn (KPCĐ) khu vực sản xuất kinh doanh (SXKD) qua tài khoản của Công đoàn Việt Nam. Các hình thức thu KPCĐ khác (Thu qua Kho bạc Nhà nước, chưa thu qua phần mềm,...) và các nghiệp vụ liên quan, các nghiệp vụ kết chuyển cuối năm vẫn thực hiện theo Hướng dẫn 1435/HD-TLĐ của Tổng Liên đoàn.

2. Các tỷ lệ để phân mềm chia tự động KPCĐ sử dụng tại các cấp ở Hướng dẫn này được áp dụng trong niên độ 2018. Các năm tiếp theo tỷ lệ chia tự động thực hiện theo Quyết định của Tổng Liên đoàn.

3. Số liệu báo cáo từ phần mềm thu KPCĐ khu vực SXKD qua tài khoản của Công đoàn Việt Nam là số liệu làm căn cứ để hạch toán.

4. Các Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (Đơn vị cấp 2); LĐLĐ quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, công đoàn ngành địa phương, công đoàn Khu công nghiệp, công đoàn Khu chế xuất (Đơn vị cấp 3) căn cứ vào quy mô và điều kiện của đơn vị mình để quyết định kỳ

hạch toán (kỳ in báo cáo thu kinh phí công đoàn; kỳ hạch toán là tháng/quý/6 tháng/năm).

5. Việc hạch toán phải chi tiết theo đối tượng quản lý, thống nhất hạch toán theo kỳ kế toán, không chi tiết theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

6. Khi đơn vị được phân cấp thu KPCĐ thực hiện đối chiếu, xác định số kinh phí công đoàn doanh nghiệp phải nộp thì căn cứ trên chứng từ nộp tiền, chuyển tiền của doanh nghiệp.

7. Phí chuyển tiền do Tổng Liên đoàn chi trả, cuối năm căn cứ vào báo cáo tổng hợp để xác định tổng số phí chuyển tiền và trừ vào số phải nộp của các cấp công đoàn đối với đơn vị phải nộp kinh phí; đối với đơn vị tự cân đối và được cấp kinh phí Tổng Liên đoàn sẽ cấp bù số phí chuyển tiền nêu trên.

## II – Tổ chức thực hiện

1. Hướng dẫn này áp dụng đối với các cấp công đoàn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Căn cứ vào hướng dẫn trên Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn triển khai tới công đoàn cấp dưới. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Tổng Liên đoàn (qua Ban Tài chính) để được hướng dẫn.

**Ghi chú:** đính kèm một số nghiệp vụ hạch toán kế toán về thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản Công đoàn Việt Nam.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực ĐCT (đề b/c)
- UBKT
- Lưu TC, VP-TLĐ

TM ĐOÀN CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Anh



**Một số nghiệp vụ hạch toán kế toán về thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản Công đoàn Việt Nam**

**I – Hạch toán thu KPCĐ khu vực SXKD đơn vị có tổ chức công đoàn**

**1. Đối với Công đoàn cơ sở**

Khi Công đoàn cơ sở nhận được kinh phí: ghi “Kinh phí cấp trên cấp” (tương ứng 68% Số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận) → Áp mục 25

**2. Đối với đơn vị cấp 3**

**2.1. Đối với đơn vị cấp 3 được phân cấp thu KPCĐ tại doanh nghiệp**

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được KPCĐ do doanh nghiệp nộp và phân phối tự động phần kinh phí được sử dụng, ghi:

Nợ TK 112: Số tiền về tài khoản đơn vị (tương ứng 20% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Nợ TK 3421: 80% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận →

Áp mục 22.02

- Đồng thời hạch toán phần kinh phí cấp, nộp như sau:

+ Phân cấp tự động cho CĐCS:

Nợ TK 341: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 43.00 (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 3421: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

+ Phân chia tự động cho Tổng Liên đoàn và đơn vị cấp 2:

Nợ TK 353: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

**2.2. Đối với đơn vị cấp 3 đang khai báo trên phần mềm thu KPCĐ và quản lý trực tiếp Công đoàn cơ sở nhưng do đơn vị cấp 2 thu KPCĐ tại doanh nghiệp (gửi thông báo đơn đốc thu, đối chiếu việc thu kinh phí hàng năm)**

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được kinh phí công đoàn do doanh nghiệp nộp và phân phối tự động phần kinh phí được sử dụng, ghi:

Nợ TK 112: Số tiền tài khoản đơn vị đã nhận (tương ứng 20% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Có TK 461: 20% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

**3. Đối với đơn vị cấp 2**

**3.1. Đối với đơn vị cấp 2 phân cấp thu KPCĐ cho đơn vị cấp 3**

- Hạch toán kinh phí cấp dưới nộp lên khi tài khoản của đơn vị nhận được 10% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận do phần mềm chia tự động.

Nợ TK 112: Số tiền tài khoản đơn vị đã nhận (tương ứng 10% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Nợ TK 3421: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

Có TK 354: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 44.00

- Đồng thời hạch toán:

Nợ TK 353: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

*3.2. Đối với đơn vị cấp 2 trực tiếp thu KPCĐ của doanh nghiệp nhưng do đơn vị cấp 3 quản lý trực tiếp Công đoàn cơ sở*

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được kinh phí công đoàn do doanh nghiệp nộp và phân phối tự động phần kinh phí được sử dụng, ghi:

Nợ TK 112: Số tiền tài khoản đơn vị đã nhận (tương ứng 10% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Nợ TK 3421: 90% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 22.02

- Đồng thời hạch toán phần kinh phí cấp, nộp như sau:

+ Phần cấp tự động cho đơn vị cấp 3 và công đoàn cơ sở (88% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Nợ TK 341: 88% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 43.00 (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 3421: 88% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

+ Phần chia tự động cho Tổng Liên đoàn:

Nợ TK 353: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

*3.3. Đối với đơn vị cấp 2 thu KPCĐ tại doanh nghiệp có Công đoàn cơ sở do cấp mình quản lý*

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được kinh phí công đoàn do doanh nghiệp nộp và phân phối tự động phần kinh phí được sử dụng, ghi:

Nợ TK 112: Số tiền tài khoản đơn vị đã nhận (tương ứng 30% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Nợ TK 3421: 70% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận →

Áp mục 22.02

- Đồng thời hạch toán phần kinh phí cấp, nộp như sau:

+ Phần cấp tự động cho công đoàn cơ sở:

Nợ TK 341: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 43.00 (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 3421: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

+ Phần chia tự động cho Tổng Liên đoàn:

Nợ TK 353: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

#### **4. Đối với Tổng Liên đoàn**

Hạch toán kinh phí cấp dưới nộp lên khi được phần mềm chia tự động:

Nợ TK 1121: Số tiền tài khoản Tổng Liên đoàn đã nhận (tương ứng 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận)

Có TK 354: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 44.00

### **II – Hạch toán thu KPCĐ ở khu vực SXKD đơn vị chưa có tổ chức công đoàn**

#### **1. Đối với đơn vị cấp 3 thu KPCĐ tại doanh nghiệp:**

##### **1.1. Hạch toán tại đơn vị cấp 3**

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được kinh phí công đoàn do doanh nghiệp nộp:

Nợ TK 112: 88% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

Nợ TK 3421: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

- Phân để nộp lên đơn vị cấp 2 và cấp 1:

Nợ TK 353: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 12% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

- Phân phối nguồn kinh phí thu được:

Nợ TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

Có TK 3422: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 461: 32% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận



1.2. *Hạch toán tại đơn vị cấp 2*

Hạch toán tương tự mục 3.1 phần I.

1.3. *Hạch toán tại Tổng Liên đoàn*

Hạch toán tương tự mục 4 phần I.

**2. Đối với đơn vị cấp 2 thu KPCĐ tại doanh nghiệp**

2.1. *Hạch toán tại đơn vị cấp 2*

- Khi tài khoản Công đoàn Việt Nam nhận được kinh phí công đoàn do doanh nghiệp nộp:

Nợ TK 112: 98% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

Nợ TK 3421: 2 % số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 5113: 100% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 22.02

- Phần để nộp lên đơn vị cấp 1:

Nợ TK 353: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận → Áp mục 37.00

Có TK 3421: 2% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

- Đồng thời hạch toán phân phối nguồn KP thu được cho đơn vị cấp 2:

Nợ TK 5113: 100% Số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

Có TK 3422: 68% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận (Chi tiết từng đơn vị)

Có TK 461: 32% số tiền tài khoản Công đoàn Việt Nam đã nhận

2.2. *Hạch toán tại Tổng Liên đoàn*

Hạch toán tương tự mục 4 phần I.